

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
(Áp dụng cho khóa tuyển sinh 2017)

Ngành: **Sư phạm Lịch sử**

Tên tiếng Anh: **History Teacher Education**

Mã số: **7140218**

Khối ngành: **Khoa học Xã hội**

Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**

**Đà Nẵng, 2017**

## MỤC LỤC

<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	iii
<b>Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo .....	1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo .....	2
1.3. Triết lý giáo dục .....	2
1.4. Mục tiêu đào tạo.....	3
1.5. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.....	5
1.6. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp .....	5
<b>PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	7
2.1. Chuẩn đầu ra và sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT Sư phạm Lịch sử.....	7
2.2. Sự tương thích giữa CĐR CTĐT SPLS 2017 so với chuẩn nghề nghiệp ngành sư phạm Lịch sử và các CTĐT SPLS khác .....	9
<b>PHẦN III: NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC</b> .....	16
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học.....	16
3.2. Khung chương trình dạy học.....	16
3.2. Kế hoạch tổ chức đào tạo .....	20
3.3. Phương pháp dạy và học, kiểm tra và đánh giá .....	23
<b>PHẦN IV: MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN</b> .....	25
4.1. Mục tiêu của học phần .....	25
4.2. Tóm tắt nội dung các học phần .....	25

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BGD&ĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
CDR	: Chuẩn đầu ra
CT	: Chương trình
CTDH	: Chương trình dạy học
CTĐT	: Chương trình đào tạo
ĐH	: Đại học
ĐHĐN	: Đại học Đà Nẵng
ĐHSP	: Đại học Sư phạm
GDĐH	: Giáo dục đại học
GV	: Giảng viên
GVHD	: Giảng viên hướng dẫn
HP	: Học phần
MT	: Mục tiêu
PI	: Chỉ số năng lực (performance indicators)
PLO	: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
SV	: Sinh viên
SVTN	: Sinh viên tốt nghiệp
TC	: Tín chỉ
TLTK	: Tài liệu tham khảo

## **Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo (CTĐT) Sư phạm Lịch sử được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số 575/QĐ-ĐHSP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở rà soát, điều chỉnh và cải tiến chương trình ngành Sư phạm Lịch sử ban hành năm 2015. Quá trình rà soát chương trình được tiến hành một cách đồng bộ và toàn diện. Trên cơ sở đối sánh với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với chuẩn nghề nghiệp ngành sư phạm lịch sử và khảo sát ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà quản lý và người sử dụng lao động, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình từng bước được hoàn thiện đặt cơ sở để tiến hành rà soát hoàn chỉnh khung chương trình, kế hoạch đào tạo của chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử năm 2017. Việc xem xét xác định các học phần, thời lượng học phần để đưa vào khung chương trình đào tạo và xây dựng kế hoạch giảng dạy được tiến hành một cách cụ thể và từng bước được hoàn thiện. Đặc biệt, sau khi tiến hành đối sánh chương trình đào tạo hiện hành với các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục khác, nội dung của chương trình giáo dục phổ thông mới và tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan, nhiều học phần mới đã được bổ sung vào chương trình đào tạo, thời lượng các học phần, nội dung giảng dạy các học phần trong chương trình đã được xác định lại nhằm đảm bảo trang bị cho sinh viên những kiến thức, năng lực, phẩm chất cơ bản, đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu giảng dạy của giáo viên Lịch sử ở các trường phổ thông hiện nay.

Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử được xây dựng và quản lý bởi Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Một đơn vị giáo dục có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong việc đào tạo sinh viên sư phạm.

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, tiền thân là Ban Sử - Địa - Tâm lý Giáo dục được thành lập vào ngày 03/11/1976. Trải qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển với nhiều lần tách nhập, thay đổi tên gọi, ngày 07 tháng 01 năm 2005, Giám đốc Đại học Đà Nẵng đã ban hành quyết định thành lập Khoa Lịch sử trên cơ sở tách ra từ Khoa Sử - Địa trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Từ đó đến nay Khoa đã đào tạo được hơn 45 khoá Cao đẳng sư phạm, Đại học hệ chính qui và vừa học vừa làm, với trên 2000 sinh viên tốt nghiệp ra trường hiện đang phục vụ trên khắp mọi miền Tổ quốc.

Khoa hiện đang quản lý 3 ngành đào tạo địa học là: Sư phạm Lịch sử, Việt Nam học và Lịch sử; 2 ngành đào tạo sau đại học trình độ Thạc sĩ là: Lịch sử Việt Nam.

Để đáp ứng những yêu cầu đổi mới của các ngành đào tạo, đội ngũ cán bộ giảng dạy và cơ sở vật của Khoa ngày càng được chú trọng đầu tư nâng cao. Hiện nay, đội ngũ đào tạo của Khoa Lịch sử là 13 người, trong đó có 01 phó giáo sư, 5 tiến sĩ, 3 nghiên cứu sinh, 4 thạc sĩ.

Các giảng viên trong khoa đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp trường và các Dự án trọng điểm của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Cùng với các phó giáo sư - tiến sĩ thuộc chuyên ngành Giáo dục học của Trường Đại học Sư phạm, Khoa Lịch sử đã có một đội ngũ giảng viên cơ hữu có đủ năng lực để xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, bài giảng, hướng dẫn học viên thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp, Luận văn thạc sĩ.

## 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Thông tin
1	Tên ngành đào tạo	Sư phạm Lịch sử
2	Mã ngành đào tạo	History Teacher Education
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Tên văn bằng tốt nghiệp (Tiếng Việt)	Cử nhân Sư phạm Lịch sử
5	Tên văn bằng tốt nghiệp (Tiếng Anh)	History Teacher Education
6	Hình thức đào tạo	Chính quy, tập trung
7	Thời gian đào tạo	3,5 năm (07 học kỳ)
8	Ngôn ngữ sử dụng	Tiếng Việt
9	Đơn vị đào tạo	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
10	Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
11	Website	<a href="https://ued.udn.vn/">https://ued.udn.vn/</a>
12	Cập nhật ngày	

## 1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phát triển giáo dục & đào tạo. Ở các trường đại học, việc xây dựng một triết lý giáo dục phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển sẽ tạo tiền đề quan trọng để xây dựng mục tiêu, chiến lược, nhiệm vụ GD&ĐT đúng đắn.

Trường Đại học sư phạm – ĐHQĐN với triết lý giáo dục: “**Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo – Thực nghiệp**”, hướng tới mục tiêu đào tạo con người toàn diện, có trách nhiệm với xã hội, phục vụ cộng đồng, phát huy năng lực, bản lĩnh của mình trong lĩnh vực chuyên môn và đời sống xã hội; không ngừng tìm tòi, nghiên cứu sáng tạo. Cụ thể:

- **Giáo dục toàn diện:** Toàn diện được hiểu là tất cả các mặt, các khía cạnh và GD toàn diện chính là quá trình truyền thụ những tri thức, những kinh nghiệm, những kỹ năng... đồng thời bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức cần thiết và chuẩn bị tâm thế cho người học đi vào cuộc sống lao động tự lập, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước. Từ đó hướng tới việc sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức - Trí - Thể - Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Để thực hiện triết lý về giáo dục toàn diện, nhà trường đã tổ chức thực hiện chương trình giáo dục đảm bảo thực hiện các nội dung giáo dục toàn diện cho SV.

- **Giáo dục khai phóng:** Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

Với triết lý giáo dục khai phóng, trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng đang đi theo xu hướng của tiếp cận giáo dục hiệu đại và hiệu quả các các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Giáo dục khai phóng tạo ra thế hệ SV không chỉ vững về tri thức chuyên môn mà còn có các kỹ năng của công dân toàn cầu để thích ứng, giải quyết vấn đề hiệu quả, vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau của cuộc sống.

- **Giáo dục sáng tạo:** Giáo dục hướng tới hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những phát kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy của người học. Sáng tạo được coi là đặc tính riêng có của con người, và là yêu cầu cần thiết đối với người làm khoa học, hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học thông qua các hoạt động nghiên cứu và triển khai áp dụng các nghiên cứu vào thực tế đời sống.

Để thực hiện triết lý giáo dục sáng tạo nhà trường cần thực hiện: (1) Thiết lập môi trường giáo dục khuyến khích, tạo điều kiện cho việc hình thành, phát huy, phát triển năng lực sáng tạo của người học; (2) SV được trang bị tri thức và kỹ năng của Sáng tạo học, Phương pháp luận sáng tạo từ đơn giản đến phức tạp phù hợp; 3/ Nội dung chương trình đào tạo các ngành và nội dung các môn học được soạn theo hướng kích thích tư duy sáng tạo với những câu hỏi sáng tạo phù hợp với trình độ của người học; 4/ Giảng viên: truyền cảm hứng sáng tạo, đam mê sáng tạo và gợi mở tư duy sáng tạo cho người học ở những môn học phù hợp; 5/ Tri thức, kỹ năng, công nghệ truyền cho người học với quan điểm: mọi tri thức, kỹ năng, công nghệ được truyền dạy đều tồn tại những hạn chế, thiếu sót, chưa đầy đủ. 6/ Đánh giá kết quả giáo dục hướng tới việc đánh giá khả năng sáng tạo, vận dụng của SV trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp hướng tới.

- **Giáo dục thực nghiệp:** Giáo dục hướng tới hình thành khả năng thực hành, vận dụng thực tiễn, hiệu quả những kiến thức được tiếp cận từ nhà trường trong quá trình học tập và làm việc sau tốt nghiệp. Triết lý giáo dục thực nghiệp giúp cụ thể hóa và thực hiện nguyên lý giáo dục: “Học đi đôi với hành”; “giáo dục gắn liền với lao động sản xuất”

Để thực hiện triết lý giáo dục thực nghiệp nhà trường cần xây dựng chương trình đào tạo tăng cường các hoạt động thực hành, thực tế, trải nghiệm nghề nghiệp tại các cơ sở lao động thực tiễn; nội dung các môn học trong chương trình đào tạo cần bám sát yêu cầu của thực tiễn đời sống xã hội và nghề nghiệp; sử dụng các chiến lược dạy học, phương pháp dạy học tích cực hướng tới hình thành các năng lực để áp dụng vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. Triết lý giáo dục thực nghiệp chú trọng đến chất lượng đào tạo, gắn giáo dục với thực tiễn, nhu cầu lao động, lấy hiệu quả, chất lượng hoạt động của người học làm thước đo.

## **1.4. Mục tiêu đào tạo**

### **1.4.1. Mục tiêu chung**

- Chương trình được biên soạn để phục vụ cho mục tiêu đào tạo Cử nhân Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

- Mục đích của chương trình nhằm trang bị cho sinh viên có đầy đủ kiến thức cơ bản và phương pháp giảng dạy bộ môn để làm tốt nhiệm vụ giảng dạy lịch sử ở trường trung học phổ thông và trường trung học cơ sở. Trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng để sinh viên có thể tiếp tục theo học ở trình độ cao hơn hoặc tham gia vào các ngành nghề phù hợp.

#### **1.4.2 Mục tiêu cụ thể**

##### **• Về phẩm chất đạo đức**

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chấp hành chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam.

- Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật cao; có tác phong phù hợp với cơ chế đời sống công nghiệp, hiện đại và có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo tổ hoặc nhóm.

- Có phương pháp làm việc khoa học, biết giải quyết những vấn đề mới cũng như những thực tiễn đặt ra trong quá trình công tác; từ đó đúc rút được những kinh nghiệm thiết thực, hình thành năng lực tư duy có tính sáng tạo, linh hoạt.

##### **• Về kiến thức**

- Có hiểu biết và nhận thức được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Có các kiến thức về an ninh quốc phòng, kiến thức về giáo dục thể chất, đảm bảo sức khoẻ để công tác, phục vụ Tổ quốc;

- Có kiến thức cơ bản về các môn khoa học xã hội và nhân văn, các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Có trình độ tiếng Anh theo quy định hiện hành;

- Có kiến thức tin học căn bản để có thể sử dụng thành thạo máy tính cùng một số phần mềm chuyên dụng nhằm hỗ trợ công việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức và các vấn đề liên quan;

- Hiểu biết rõ ràng về bản chất đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử;

- Nắm vững những khái niệm và những tri thức Lịch sử cơ bản của lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới;

- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử để giải thích các sự kiện chính trị trong nước và trên thế giới;

- Nắm vững những đặc trưng cơ bản của việc dạy học Lịch sử, hình thành những kỹ năng sư phạm, khả năng vận dụng những hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp vào việc dạy học Lịch sử ở các trường phổ thông.

## • Về kỹ năng

Có kỹ năng thực hành các phương pháp nghiên cứu truyền thống và hiện đại, tổng hợp và chuyên ngành... tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với những vấn đề thực tiễn đặt ra có liên quan.

### 1.5. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử có thể làm các công việc:

1. Làm giáo viên dạy môn Lịch sử tại các trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông
2. Làm chuyên gia nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, bảo tàng.
3. Làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức có liên quan đến lịch sử, văn hóa thông tin, xã hội, giáo dục, chính trị, quân sự, du lịch....

### 1.6. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

#### 1.6.1. Điều kiện nhập học

Hình thức tuyển sinh và điều kiện nhập học được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của ĐHQĐ và Trường ĐHSP - ĐHQĐ. Chi tiết về thông tin tuyển sinh và điều kiện nhập học được đăng trên website: <http://tuyensinh.ued.udn.vn/> và <https://ued.udn.vn/page-khoa/khoa-lich-su.html>.

#### 1.6.2. Tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

CTĐT được thực hiện với các quy định về tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (được ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng BGD&ĐT), và các quy định bổ sung của ĐHQĐ và Trường ĐHSP - ĐHQĐ. Một số thông tin cơ bản như sau:

Chương trình được tổ chức đào tạo trong 4 năm học. Mỗi năm gồm 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần học và 3 tuần thi. Ngoài 2 học kỳ chính, Nhà trường còn tổ chức thêm một học kỳ phụ (học kì hè) để sinh viên có thể học vượt, học lại hoặc cải thiện điểm; mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần học và 1 tuần thi.

Đối với những sinh viên bậc đại học hệ chính quy, để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học theo Quy định chuẩn đầu ra tin học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (*ban hành kèm theo Quyết định số 543/QĐ-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm*). Thông tin chi tiết được đăng tại <http://daotao.ued.udn.vn/?p=262>.

Đối với những sinh viên theo học ngoại ngữ Tiếng Anh, để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra tương đương cấp độ B1 - Khung tham chiếu về trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (Common European Framework of Reference for Languages - CEFR). Thông tin chi tiết về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và bảng tham chiếu quy đổi điểm các



chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế so với chuẩn B1 châu Âu được đăng tại <http://daotao.ued.udn.vn/?p=119> và <http://daotao.ued.udn.vn/?p=414>. Đối với sinh viên theo học các ngoại ngữ Khác phải đạt trình độ quy đổi tương đương với cấp độ Tiếng Anh trình độ B1.

Điều kiện để sinh viên tốt nghiệp là:

+ Phải tích lũy đầy đủ số tín chỉ của chương trình đào tạo ( $\geq 135$  tín chỉ). Trong đó phải tích lũy tối thiểu 15 tín chỉ tự chọn.

+ Đạt chứng chỉ tin học và ngoại ngữ theo quy định của nhà trường.

+ Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

+ Không ở trong giai đoạn bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.

## PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Chuẩn đầu ra và sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT Sư phạm Lịch sử

Dựa vào ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, mục tiêu đào tạo, CĐR của CTĐT SPLS 2017 được xác định rõ ràng, phù hợp và có tính khả thi. SV sau khi hoàn thành CTĐT sẽ đạt được các năng lực tương ứng với 07 CĐR có tính đo lường được. Các CĐR thể hiện các mức độ cần đạt được khác nhau đối với kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên ngành, kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm và thái độ (Bảng 1). Đáng chú ý, CTĐT SPLS 2017 chú ý đến sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy... trong từng môn học. Bước đầu tiếp cận với yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa trung học phổ thông; Đáp ứng yêu cầu việc làm cụ thể là giáo viên giảng dạy môn Lịch sử ở trường THCS và THPT, với nhiều môn học có tính tích hợp đã được đưa vào giảng dạy trong CTĐT như: Phương pháp dạy học xã hội, Địa phương học...

Đây là sự cải tiến phù hợp, dựa trên xu thế phát triển của xã hội, tính chất ngành nghề và nhu cầu của người học.

**Bảng 1.** CĐR của CTĐT năm 2017.

CĐR CTĐT (CĐR)	Biểu hiện
<b>CĐR 1: Thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công dân và thể hiện phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, tác phong mẫu mực.</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>+ Vận dụng được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào quá trình học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.</li><li>+ Vận dụng được hiến pháp, các luật và o t r o n g c u o c s o n g để thực hiện tốt nghĩa vụ của người công dân.</li><li>+ Thể hiện trách nhiệm công dân và trách nhiệm của một nhà giáo tương lai.</li></ul>
<b>CĐR 2: Tìm hiểu người học và môi trường giáo dục để dạy học và giáo dục phù hợp.</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>+ Phân tích được đặc điểm phát triển nhận thức của HS trong quá trình dạy học môn Lịch sử.</li><li>+ Phân tích được các điều kiện, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lí ý chí, tình cảm - xúc cảm ở HS trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.</li><li>+ Vận dụng được các phương pháp thu thập, xử lí thông tin trong việc tìm hiểu môi trường giáo dục của nhà trường, tâm lí, tình cảm của HS.</li></ul>

CĐR CTĐT (CĐR)	Biểu hiện
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vận dụng được các phương pháp khác nhau để tư vấn, giáo dục HS trong những hoàn cảnh cụ thể.</li> </ul>
<b>CĐR 3: Tổ chức được quá trình giáo dục nhằm phát triển toàn diện nhân cách người học.</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân tích được chức năng của hoạt động dạy học và vai trò, nhiệm vụ của người GV trong hoạt động giáo dục.</li> <li>+ Phân tích được vai trò của môn Lịch sử trong việc giáo dục HS.</li> <li>+ Phân tích được cách tổ chức các hoạt động giáo dục HS ở trường phổ thông.</li> <li>+ Vận dụng được <i>các bước giải quyết tình huống</i>, đánh giá trong các hoạt động giáo dục.</li> </ul>
<b>CĐR 4: Thực hiện dạy học môn Lịch sử trong chương trình giáo dục THCS, THPT.</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân tích được nguyên tắc xây dựng và kết cấu chương trình giáo dục.</li> <li>+ Vận dụng được kiến thức về giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn trong quá trình dạy học ở trường phổ thông.</li> <li>+ Tổng hợp tri thức lịch sử và vận dụng tri thức đó vào quá trình giảng dạy bộ môn này trong nhà trường phổ thông và nghiên cứu sử học, cũng như làm nền tảng để có thể học tiếp ở các bậc học cao hơn.</li> <li>+ Thiết kế được giáo án, bài giảng điện tử, khai thác được các nguồn tài liệu trong và ngoài nước hỗ trợ cho hoạt động dạy học.</li> <li>+ Lựa chọn được các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp trong quá trình dạy học ở trường phổ thông.</li> <li>-Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp để thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục.</li> </ul>
<b>CĐR 5: Tổ chức được hoạt động đánh giá trong dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình bày được một số vấn đề lý luận về đo lường và đánh giá trong giáo dục.</li> <li>+ Giải thích được mục đích, ý nghĩa, vai trò của đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đạo đức của HS.</li> <li>+ Phân tích được ưu nhược điểm của các phương pháp, hình thức và kỹ thuật đo lường, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đạo đức của HS.</li> <li>+ Ứng dụng của một số phần mềm máy tính trong đánh giá giáo dục.</li> </ul>

CĐR CTĐT (CĐR)	Biểu hiện
<b>CĐR 6: Tham gia, vận động, tuyên truyền và tổ chức các hoạt động xã hội.</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phân tích được vai trò, ý nghĩa của các hoạt động xã hội.</li> <li>+ Phân tích được mục đích, chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức chính trị - xã hội chủ chốt như: tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên VN...</li> <li>+ Phân tích được những cách thức, phương pháp tuyên truyền, vận động cộng đồng tham gia vào các hoạt động giáo dục nhà trường.</li> <li>+ Tham gia các hoạt động xã hội ở trường.</li> <li>+ Thiết kế, tổ chức hoạt động xã hội và điều kiện thực hiện.</li> </ul>
<b>CĐR 7: Tự đánh giá, tự học và nghiên cứu khoa học.</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xác định được yêu cầu nghề nghiệp và yêu cầu của thực tiễn giáo dục phổ thông để làm cơ sở cho việc tự đánh giá.</li> <li>+ Phân tích được ý nghĩa của việc tự học, của tư tưởng “học suốt đời” đối với sự phát triển nghề nghiệp của người giáo viên.</li> <li>+ Vận dụng được các phương pháp tự học, tự bồi dưỡng trong quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy</li> </ul>

Nhìn chung, CĐR CTĐT SPLS 2021 thể hiện được tất cả các năng lực mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Căn cứ vào CĐR, nội dung các HP trong CTĐT được thiết kế gắn liền với mục đích đạt được CĐR của người học. Trong đó, người học sẽ đạt được các CĐR gắn liền với kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành thông qua khối kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các CĐR về kỹ năng, năng lực chuyên môn sẽ đạt được thông qua các hoạt động dạy và học ở các HP lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập, chuyên luận hoặc khóa luận tốt nghiệp. Người học tự chủ động hình thành năng lực ngoại ngữ và Tin học đáp ứng CĐR của Nhà trường. Ngoài ra, người học còn có thể đạt được các CĐR thông qua các hoạt động seminar, nghiên cứu khoa học, các hoạt động Đoàn - Thanh niên, hoạt động xã hội được tổ chức thường xuyên ở cấp Khoa và Trường.

## **2.2. Sự tương thích giữa CĐR CTĐT SPLS 2017 so với chuẩn nghề nghiệp ngành sư phạm Lịch sử và các CTĐT SPLS khác**

CĐR CTĐT SPLS 2017 thể hiện sự phù hợp với Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông (dưới đây gọi tắt là Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học) đã được ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bảng 2; Bảng 3); trong đó, sự tương thích chặt chẽ được thể hiện ở các chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng cơ bản cần thiết cho việc phát triển bản thân. Bên cạnh đó CĐR CTĐT SPLS 2017 cũng thể hiện sự tương thích với các CTĐT SPLS của các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc

tế, ví dụ: ngành/chuyên ngành Sư phạm Lịch sử Trường ĐHSP -Đại học Huế.

**Bảng 2.** Ma trận đối sánh CĐR của CTĐT với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đánh giá mức độ đáp ứng của CĐR của CTĐT với chuẩn nghề nghiệp GVTH theo 3 mức Thấp (T), Trung bình (TB), Cao (C) trong bảng sau:

CĐR	CHUẨN NGHỀ NGHIỆP					
	TC 1	TC 2	TC3	TC 4	TC5	TC 6
CĐR 1	C	TB	C	C	C	C
CĐR 2	TB	C	C	C	C	C
CĐR 3	TB	C	C	C	C	C
CĐR 4	TB	C	C	C	C	C
CĐR 5	TB	C	C	C	C	C
CĐR 6	T	TB	TB	TB	C	C
CĐR 7	T	TB	TB	TB	C	C

**Bảng 3.** Mô tả Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

<b>Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất nhà giáo</b>	<b>Tiêu chuẩn 2. Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ</b>	<b>Tiêu chuẩn 3. Xây dựng môi trường giáo dục</b>	<b>Tiêu chuẩn 4. Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>	<b>Tiêu chuẩn 5. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục</b>
<p>Tuân thủ các quy định và rèn luyện về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức và tạo dựng phong cách nhà giáo.</p> <p>1. Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo</p> <p>a) Mức đạt: Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo;</p> <p>b) Mức khá: Có tinh thần tự học, tự rèn</p>	<p>Nắm vững chuyên môn và thành thạo nghiệp vụ; thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.</p> <p>1. Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân</p> <p>a) Mức đạt: Đạt chuẩn trình độ đào tạo và hoàn thành đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn theo quy định; có kế hoạch thường xuyên học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn bản thân;</p> <p>b) Mức khá: Chủ động nghiên</p>	<p>Thực hiện xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh dân chủ, phòng, chống bạo lực học đường</p> <p>1. Tiêu chí 8. Xây dựng văn hóa nhà trường</p> <p>a) Mức đạt: Thực hiện đầy đủ nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường theo quy định;</p> <p>b) Mức khá: Đề xuất biện pháp thực</p>	<p>Tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh</p> <p>1. Tiêu chí 11. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan</p> <p>a) Mức đạt: Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành đối với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan;</p> <p>b) Mức khá: Tạo dựng mối</p>	<p>Sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng các thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục.</p> <p>1. Tiêu chí 14. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc</p> <p>a) Mức đạt: Có thể sử dụng được các từ ngữ giao tiếp đơn giản bằng ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Anh) hoặc ngoại ngữ thứ hai (đối với giáo viên dạy ngoại ngữ) hoặc tiếng dân tộc đối với những vị trí</p>

<p>luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo;</p> <p>c) Mức tốt: Là tấm gương mẫu mực về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức nhà giáo.</p> <p>2. Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo</p> <p>a) Mức đạt: Có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;</p> <p>b) Mức khá: Có ý thức tự rèn luyện tạo phong cách nhà giáo mẫu mực; ảnh hưởng tốt đến học</p>	<p>cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân;</p> <p>c) Mức tốt: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.</p> <p>2. Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh</p> <p>a) Mức đạt: Xây dựng được kế hoạch dạy học và giáo dục;</p> <p>b) Mức khá: Chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;</p> <p>c) Mức tốt: Hướng dẫn, hỗ trợ</p>	<p>hiện hiệu quả nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường theo quy định; có giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả các vi phạm nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử trong lớp học và nhà trường trong phạm vi phụ trách (nếu có);</p> <p>c) Mức tốt: Là tấm gương mẫu mực, chia sẻ kinh nghiệm trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong nhà trường.</p> <p>2. Tiêu chí 9. Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường</p> <p>a) Mức đạt: Thực</p>	<p>quan hệ lành mạnh, tin tưởng với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan;</p> <p>c) Mức tốt: Đề xuất với nhà trường các biện pháp tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan.</p> <p>2. Tiêu chí 12. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh</p> <p>a) Mức đạt: Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh ở trên lớp; thông tin về chương trình, kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên có liên quan; tiếp nhận thông</p>	<p>việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;</p> <p>b) Mức khá: Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày hoặc chủ đề đơn giản, quen thuộc liên quan đến hoạt động dạy học, giáo dục (ưu tiên tiếng Anh) hoặc biết ngoại ngữ thứ hai (đối với giáo viên dạy ngoại ngữ) hoặc tiếng dân tộc đối với những vị</p>
---	--	---	---	---

<p>sinh;</p> <p>c) Mức tốt: Là tấm gương mẫu mực về phong cách nhà giáo; ảnh hưởng tốt và hỗ trợ đồng nghiệp hình thành phong cách nhà giáo.</p>	<p>đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục.</p> <p>3. Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh</p> <p>a) Mức đạt: Áp dụng được các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh;</p> <p>b) Mức khá: Chủ động cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế;</p> <p>c) Mức tốt: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng những phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.</p>	<p>hiện đầy đủ các quy định về quyền dân chủ trong nhà trường, tổ chức học sinh thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường;</p> <p>b) Mức khá: Đề xuất biện pháp phát huy quyền dân chủ của học sinh, của bản thân, cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ và đồng nghiệp trong nhà trường; phát hiện, phản ánh, ngăn chặn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy chế dân chủ của học sinh (nếu có);</p> <p>c) Mức tốt: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng</p>	<p>tin từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên có liên quan về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh;</p> <p>b) Mức khá: Chủ động phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan trong việc thực hiện các biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ và động viên học sinh học tập, thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục;</p> <p>c) Mức tốt: Giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan về quá trình học tập, rèn luyện và thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học môn học và hoạt động</p>	<p>trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc.</p> <p>2. Tiêu chí 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục</p> <p>a) Mức đạt: Sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản, thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục và quản lý học sinh theo quy định; hoàn thành các khóa đào tạo, bồi dưỡng, khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin và các thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục theo quy định;</p> <p>b) Mức khá: Ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số trong hoạt động dạy học, giáo dục; cập nhật và sử dụng hiệu quả các phần</p>
--	--	--	--	--



	<p>4. Tiêu chí 6. Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh</p> <p>a) Mức đạt: Sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh;</p> <p>b) Mức khá: Chủ động cập nhật, vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;</p> <p>c) Mức tốt: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh.</p> <p>5. Tiêu chí 7. Tư vấn và hỗ trợ học sinh</p> <p>a) Mức đạt: Hiểu các đối tượng học sinh và nắm vững quy định về công tác tư vấn và hỗ trợ học sinh; thực hiện lồng</p>	<p>nghiệp trong việc thực hiện và phát huy quyền dân chủ của học sinh, của bản thân, cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ và đồng nghiệp.</p> <p>3. Tiêu chí 10. Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường</p> <p>a) Mức đạt: Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà trường về trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường;</p> <p>b) Mức khá: Đề xuất biện pháp xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường;</p>	<p>giáo dục của học sinh.</p> <p>3. Tiêu chí 13. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh</p> <p>a) Mức đạt: Tham gia tổ chức, cung cấp thông tin về nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan; tiếp nhận thông tin từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan về đạo đức, lối sống của học sinh;</p> <p>b) Mức khá: Chủ động phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan trong thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh;</p>	<p>mềm; khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học, giáo dục;</p> <p>c) Mức tốt: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học, giáo dục tộc;</p>
--	--	---	--	--

	<p>ghép hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục;</p> <p>b) Mức khá: Thực hiện hiệu quả các biện pháp tư vấn và hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục;</p> <p>c) Mức tốt: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả hoạt động tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục.</p>	<p>phát hiện, phản ánh, ngăn chặn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy định về trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường (nếu có);</p> <p>c) Mức tốt: Là điển hình tiên tiến về thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường; chia sẻ kinh nghiệm xây dựng và thực hiện trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.</p>	<p>c) Mức tốt: Giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.</p>	
--	--	---	--	--

### PHẦN III: NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

#### 3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc CTĐT được chia thành 03 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 4.

**Bảng 4.** Cấu trúc phân bố các khối kiến thức trong CTDH

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
A	Khối kiến thức Chung	21	21	0	0
B	Khối kiến thức Cơ sở và ngành	62	62	0	0
C	Khối kiến thức Chuyên ngành hoặc Nghiệp vụ	77	37	0	40
<b>Tổng</b>		160	120	0	40

#### 3.2. Khung chương trình dạy học

Khung CTDH được thể hiện dưới dạng cấu trúc bảng với các thông tin quan trọng của các HP được thiết kế cho mỗi khối kiến thức và dựa vào CDR CTĐT. Các thông tin HP bao gồm: Tên HP, Mã HP, Số TC, Loại HP (lý thuyết hoặc thực hành) nhằm phục vụ cho việc tổ chức thực hiện và quản lý quá trình đào tạo (Bảng 5).

**Bảng 5.** Khung chương trình dạy học của CTĐT SPLS 2017

TT	Mã học phần			TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
					TC	LT	TH		
<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUNG</b>									
1	212	2	1512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (1)	2	2	0		
2	213	2	1523	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (2)	3	3	0		
3	213	2	1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		
4	212	3	1225	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0		

5	312	2	1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
6	412	4	1858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
7	412	4	1859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0		
8	316	2	1549	Phát luật đại cương	2	2	0		
9	001	0	1265	<i>Giáo dục thể chất 1</i>	(1)	(0)	(1)		
10	001	0	1266	<i>Giáo dục thể chất 2</i>	(1)	(0)	(1)		
11	001	0	1267	<i>Giáo dục thể chất 3</i>	(1)	(0)	(1)		
12	001	0	1268	<i>Giáo dục thể chất 4</i>	(1)	(0)	(1)		
13	001	0	1269	<i>Giáo dục thể chất 5</i>	(1)	(0)	(1)		
14	002	0	1264	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	(4t)				
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>					<b>21</b>	<b>20</b>	<b>1</b>		
<b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH</b>									
15	318	2	1421	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0		
16	317	2	1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0		
17	318	4	1415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	4	0		
18	318	4	1414	Lịch sử thế giới cận đại	4	4	0		
19	318	4	1417	Lịch sử thế giới hiện đại	4	4	0		
20	318	5	1423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	5	5	0		
21	318	4	1422	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	4	0		
22	318	4	1426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	4	0		
23	318	3	1502	Nhân học đại cương	3	3	0		
24	318	3	1411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	3	0		
25	318	3	1368	Kinh tế Việt Nam thời cận đại	3	3	0		
26	318	3	1333	Khảo cổ học đại cương	3	3	0		

27	318	3	1193	Địa phương học	3	3	0		
28	318	3	1060	Chủ nghĩa tư bản cận - hiện đại	3	3	0		
29	318	3	1412	Lịch sử quan hệ quốc tế từ năm 1919 đến nay	3	3	0		
30	318	4	1509	Nhập môn sử học và lịch sử sử học	4	4	0		
31	318	3	1033	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận - hiện đại	3	3	0		
32	318	3	1990	Việt Nam và ASEAN	3	3	0		
33	318	2	1849	Thực tế chuyên môn	2	0	2		
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>					<b>62</b>	<b>60</b>	<b>2</b>		
<b>KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ</b>									
34	320	2	1641	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2	0		
35	318	2	1604	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy LS địa phương	2	2	0		
36	320	4	1719	Tâm lý học giáo dục	4	4	0		
37	320	3	1255	Giáo dục học	3	3	0		
38	320	2	1820	Thực hành tâm lý giáo dục	2	0	2		
39	320	2	1593	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2	0		
40	320	2	1273	Giao tiếp sư phạm	2	2	0		
41	318	2	1437	Lí luận dạy học lịch sử	3	3	0		
42	318	3	1569	Phương pháp dạy học lịch sử	3	3	0		
43	318	3	1566	Phương pháp dạy học các môn xã hội	3	3	0		
44	320	2	1355	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	2	2	0		

45	318	3	1791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	3	0	3		
46	303	3	1845	Thực tập sư phạm 1	3	0	3		
47	303	3	1846	Thực tập sư phạm 2	3	0	3		
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>					<b>37</b>	<b>26</b>	<b>11</b>		
<b>HỌC PHẦN TỰ CHỌN</b>									
48	331	1	1252	<i>Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính</i>	2	2	0		
49	318	3	1474	<i>Một số vấn đề về triều Nguyễn</i>	3	3	0		
50	303	6	1338	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	6		
51	320	2	1738	<i>Tham vấn tâm lí</i>	2	2	0		
52	318	2	1883	<i>Tin học chuyên ngành (2)</i>	2	2	0		
53	318	3	1473	<i>Một số vấn đề về biển đảo Việt Nam</i>	3	3	0		
54	318	3	1888	<i>Tín ngưỡng và các tôn giáo Việt Nam</i>	3	3	0		
55	318	3	1298	<i>Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam</i>	3	3	0		
56	318	3	1030	<i>Biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời kì đổi mới</i>	3	3	0		
57	318	3	1701	<i>Sử liệu học</i>	3	3	0		
58	318	3	1943	<i>Văn hóa Chăm pa</i>	3	3	0		
59	318	2	1404	<i>Lịch pháp học</i>	2	2	0		
60	318	3	1902	<i>Toàn cầu hóa và các vấn đề toàn cầu</i>	3	3	0		
61	318	2	1471	<i>Một số vấn đề đổi mới PPDH lịch sử ở trường phổ thông</i>	2	2	0		
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI</b>					<b>40</b>	<b>34</b>	<b>6</b>		

<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA</b>	<b>160</b>	<b>140</b>	<b>20</b>		
<b>Tổng số tín chỉ bắt buộc</b>	<b>120</b>	<b>106</b>	<b>14</b>		
<b>Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu</b>	<b>15</b>				

### 3.2. Kế hoạch tổ chức đào tạo

CTDH được tổ chức thực hiện theo các quy định liên quan đến tổ chức đào tạo hiện hành được áp dụng tại Trường ĐHSP – ĐHDN: Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDDT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định đào tạo trình độ đại học, chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1473/QĐ-ĐHSP của Hiệu trưởng Trường ĐHSP- ĐHDN, và các quy định khác của ĐHDN. CTDH được tổ chức đào tạo trong 3,5 năm tương ứng với 07 học kì (Bảng 6). Việc bố trí các HP vào các học kì được thực hiện theo nguyên tắc “Phát triển các kiến thức và kỹ năng của người học theo thời gian” (Hình 1; Hình 2) và đảm bảo “Phân phối thời lượng nội dung hợp lý ở từng học kì”.

**Bảng 6.** Kế hoạch tổ chức đào tạo theo khoa học, học kì của CTĐT SPLS 2017

Học kì	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi Chú
			TC	LT	TH		
1	31841509	Nhập môn sử học và lịch sử sử học	4	4	0		
	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	4	0		
	31851423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	5	5	0		
	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0		
	31831333	Khảo cổ học đại cương	3	3	0		
		<b>Học phần tự chọn</b>					
	00101265	<i>Giáo dục thể chất 1</i>	(1)	0	(1)		
	<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>			<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	
2	21221512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	2	2	0		
	41231858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
	32041719	Tâm lý học giáo dục	4	4	0		
	31841422	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	4	0		

	31841414	Lịch sử thế giới cận đại	4	4	0		
	31831502	Nhân học đại cương	3	3	0		
	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0		
		<b>Học phần tự chọn</b>					
	00101266	<i>Giáo dục thể chất 2</i>	(1)	0	(1)		
	00201264	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	(4t)				
	31831943	<i>Văn hóa Chăm pa</i>	3	3	0		
	31831474	<i>Một số vấn đề về triều Nguyễn</i>	3	3	0		
		<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>28</b>	<b>28</b>	<b>0</b>		
3	21331513	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	2	2	0		
	41241859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0		
	31831368	Kinh tế Việt Nam thời cận đại	3	3	0		
	32031255	Giáo dục học	3	3	0		
	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	2	0		
	31841417	Lịch sử thế giới hiện đại	4	4	0		
		<b>Học phần tự chọn</b>					
	00101267	<i>Giáo dục thể chất 3</i>	(1)	0	(1)		
	33121252	<i>Giáo dục giới tính và PP giáo dục giới tính</i>	2	2	0		
	31821404	<i>Lịch pháp học</i>	2	2	0		
		<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>23</b>	<b>22</b>	<b>1</b>		
4	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		
	32021593	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	2	2	0		
	31841426	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	4	0		
	31821849	Thực tế chuyên môn	2	0	2		
	31831437	Lí luận dạy học lịch sử	3	3	0		



	31831566	Phương pháp dạy học các môn xã hội	3	3	0		
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	1	1		
		<b>Học phần tự chọn</b>					
	00101268	<i>Giáo dục thể chất 4</i>	(1)	0	(1)		
	31821883	<i>Tin học chuyên ngành (2)</i>	2	0	2		
	31831473	<i>Một số vấn đề biển đảo Việt Nam</i>	3	3	0		
		<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>23</b>	<b>18</b>	<b>5</b>		
<b>5</b>	21231225	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0		
	31831569	Phương pháp dạy học lịch sử	3	3	0		
	31831033	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận-hiện đại	3	3	0		
	31831990	Việt Nam và ASEAN	3	3	0		
	32021820	Thực hành tâm lý giáo dục	2	0	2		
	31831791	Thực hành dạy học (tập giảng tại trường sư phạm)	3	0	3		
		<b>Học phần tự chọn</b>					
	00101269	<i>Giáo dục thể chất 5</i>	(1)	0	(1)		
	32021738	<i>Tham vấn tâm lý</i>	2	2	0		
	31831888	<i>Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam</i>	3	3	0		
	31831298	<i>Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam</i>	3	3	0		
			<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>	<b>25</b>	<b>19</b>	<b>6</b>	
<b>6</b>	30331845	Thực tập sư phạm 1	3	0	3		
	31831193	Địa phương học	3	3	0		
	31831060	Chủ nghĩa tư bản cận-hiện đại	3	3	0		
	31831412	Lịch sử quan hệ quốc tế từ năm 1918 đến nay	3	3	0		
	31831411	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	3	0		

		<b>Học phần tự chọn</b>					
	31831030	<i>Biến đổi KT-XH Việt Nam trong thời kì đổi mới</i>	3	3	0		
	31831701	<i>Sử liệu học</i>	3	3	0		
<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>			<b>21</b>	<b>18</b>	<b>3</b>		
<b>7</b>	31821604	PPNC, biên soạn và giảng dạy LS địa phương	2	2	0		
	32021355	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	2	2	0		
	32021641	Quản lí HCNN và quản lí ngành GDĐT	2	2	0		
	30331846	Thực tập sư phạm 2	3	0	3		
		<b>Học phần tự chọn</b>					
	31821471	<i>Một số vấn đề đổi mới PPDH lịch sử ở trường PT</i>	2	2	0		
	31831902	<i>Toàn cầu hóa và các vấn đề toàn cầu</i>	3	3	0		
	30361338	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	6		
	<b>Tổng số tín chỉ trong học kỳ :</b>			<b>20</b>	<b>11</b>	<b>8</b>	

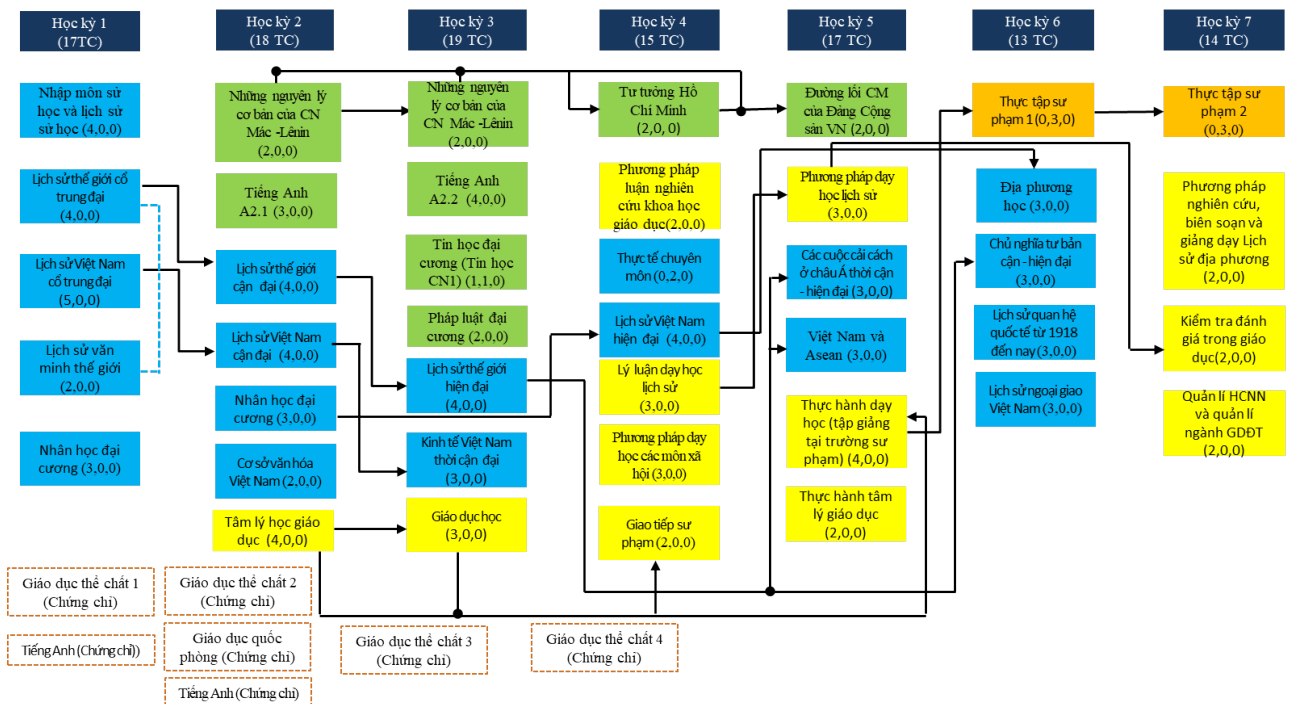
### **3.3. Phương pháp dạy và học, kiểm tra và đánh giá**

#### **3.3.1. Phương pháp dạy và học**

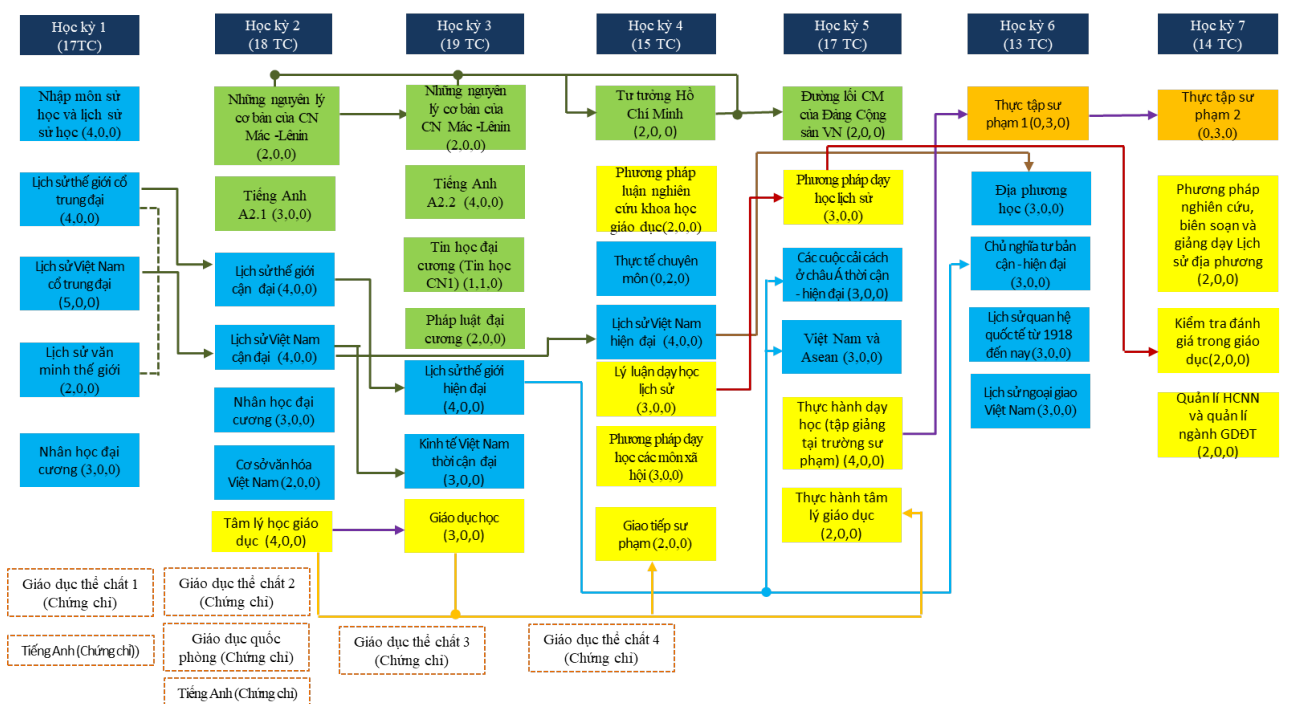
Dựa vào triết lý giáo dục của Trường ĐHSP – ĐHĐN và để đảm bảo đạt được các CLO nói riêng cũng như CTĐT nói chung, các phương pháp dạy và học đối với mỗi HP được lựa chọn và thiết kế theo hướng phát huy tính tích cực học tập của người học. Trong đó đặc biệt chú ý đến việc đa dạng hóa các hình thức dạy học trên cơ sở phát huy tính tích cực học tập của người học.

#### **3.3.2. Phương pháp kiểm tra và đánh giá**

Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo tín chỉ, Quy định học vụ hiện hành của của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.



**Hình 1.** Lộ trình giảng dạy và phát triển kiến thức trong chương trình dạy học.



**Hình 2.** Lộ trình giảng dạy và phát triển kỹ năng trong chương trình dạy học.

## PHẦN IV: MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

### 4.1. Mục tiêu của học phần

Cấu trúc nội dung CTDH SPLS 2017 bao gồm 61 HP, cả tự chọn lẫn bắt buộc. Các HP này là những yếu tố cơ bản đóng góp vào việc hình thành và phát triển các năng lực của người học đã được mô tả trong các mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT. Do đó, các năng lực mà người học cần đạt được ở mỗi HP cũng được xây dựng thành các mục tiêu học phần cụ thể. Từ đó, định hướng việc xác định nội dung dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá cho mỗi học phần.

### 4.2. Tóm tắt nội dung các học phần

Stt	TÊN HỌC PHẦN	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN
1	NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN (1)	Không	Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (1) được cấu trúc thành 3 chương. Nội dung của các chương này bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về triết học. Cụ thể là, triết học duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.
2	NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN (2)	NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN (1)	Học phần này là sự tiếp tục học phần <i>Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin (1)</i> , cung cấp cho sinh viên những kiến thức thuộc phần thứ hai và ba. Cụ thể là: Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.
3	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA	Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

		MÁC – LÊNIN (1) (2)	Chương 2 đến chương 7, trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.				
4	ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN (1) (2); TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương 4: Đường lối công nghiệp hoá; chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương 7: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương 8: Đường lối đối ngoại. Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.				
5	TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (TIN HỌC CN 1)	KHÔNG	Học phần được chia thành 3 phần: Phần 1: Tổng quan Tin học và những ứng dụng của Tin học trong đời sống Phần 2: Hệ điều hành Windows Phần 3: Hệ soạn thảo văn bản MS Word và bảng tính điện tử MS Excel				
6-7	TIẾNG ANH 1 (A2.1) VÀ TIẾNG ANH 2 (A2.2)	KHÔNG	Kết thúc 2 học phần, sinh viên có thể đạt được những kỹ năng ngôn ngữ ở cấp độ A2 được mô tả theo bảng tự đánh giá của Khung Tham chiếu trình độ Ngoại Ngữ chung Châu Âu (CEFR) như sau: <table border="1" data-bbox="683 1496 1458 2065"> <tr> <td><b>Nghe</b></td> <td>Hiểu những cụm từ và những từ liên quan đến lĩnh vực cá nhân được sử dụng thường xuyên (ví dụ: thông tin rất cơ bản về cá nhân và gia đình, nghề nghiệp, sức khỏe, khu vực địa phương, việc làm); nắm được nội dung chính trong các tin nhắn và thông báo ngắn, đơn giản, rõ ràng.</td> </tr> <tr> <td><b>Đọc</b></td> <td>Đọc được những đoạn văn rất ngắn và đơn giản; tìm được thông tin cụ thể và có thể dự đoán được nội dung trong những mẫu tin hàng ngày như tin quảng cáo, thực đơn và thời gian biểu; hiểu được nội dung thư tín cá nhân viết ngắn gọn, đơn giản.</td> </tr> </table>	<b>Nghe</b>	Hiểu những cụm từ và những từ liên quan đến lĩnh vực cá nhân được sử dụng thường xuyên (ví dụ: thông tin rất cơ bản về cá nhân và gia đình, nghề nghiệp, sức khỏe, khu vực địa phương, việc làm); nắm được nội dung chính trong các tin nhắn và thông báo ngắn, đơn giản, rõ ràng.	<b>Đọc</b>	Đọc được những đoạn văn rất ngắn và đơn giản; tìm được thông tin cụ thể và có thể dự đoán được nội dung trong những mẫu tin hàng ngày như tin quảng cáo, thực đơn và thời gian biểu; hiểu được nội dung thư tín cá nhân viết ngắn gọn, đơn giản.
<b>Nghe</b>	Hiểu những cụm từ và những từ liên quan đến lĩnh vực cá nhân được sử dụng thường xuyên (ví dụ: thông tin rất cơ bản về cá nhân và gia đình, nghề nghiệp, sức khỏe, khu vực địa phương, việc làm); nắm được nội dung chính trong các tin nhắn và thông báo ngắn, đơn giản, rõ ràng.						
<b>Đọc</b>	Đọc được những đoạn văn rất ngắn và đơn giản; tìm được thông tin cụ thể và có thể dự đoán được nội dung trong những mẫu tin hàng ngày như tin quảng cáo, thực đơn và thời gian biểu; hiểu được nội dung thư tín cá nhân viết ngắn gọn, đơn giản.						

			<p><b>Tương tác nói</b> Giao tiếp được về những công việc đơn giản hàng ngày, trao đổi thông tin trực tiếp và đơn giản về các chủ đề và hoạt động quen thuộc; trao đổi rất ngắn gọn về những vấn đề xã hội, mặc dù bản thân chưa thể hiểu đầy đủ để tự mình có thể duy trì cuộc nói chuyện.</p> <p><b>Nói</b> Sử dụng được chuỗi cụm từ và câu để miêu tả đơn giản về gia đình mình và những người khác, điều kiện sống, thông tin về học vấn và công việc hiện tại hoặc gần nhất của bản thân.</p> <p><b>Viết</b> Viết được những ghi chú và tin nhắn đơn giản và ngắn; viết một bức thư cá nhân rất đơn giản, ví dụ như thư cảm ơn ai đó về việc gì.</p>
8	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG	NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN (1)	<p>Pháp luật đại cương là học phần quan trọng trong hệ thống khoa học pháp lý. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung, về nhà nước xã hội chủ nghĩa, về Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng cùng những tri thức pháp lý liên quan đến một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam.</p> <p>Nội dung học phần gồm 6 chương. Chương 1. Các vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật; Chương 2. Bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa; Chương 3. Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Chương 4. Vi phạm pháp luật - Trách nhiệm pháp lý - Thực hiện pháp luật; Chương 5. Hệ thống pháp luật - Ý thức pháp luật - Pháp chế xã hội chủ nghĩa; Chương 6. Một số nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.</p>
9	LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI	KHÔNG	<p>Học phần Lịch sử văn minh thế giới là học phần kiến thức đại cương được giảng dạy cho một số chuyên ngành thuộc nhóm khoa học xã hội và nhân văn. Trong cấu tạo chương trình, học phần này là học phần tự chọn, hay bắt buộc tùy theo từng ngành học, được giảng dạy cho sinh viên năm 1, 2. Với học phần này, sinh viên được cung cấp những thành tựu cơ bản của</p>

			sự phát triển văn minh nhân loại từ nền văn minh đầu tiên đến nay, đồng thời hình thành ở người học kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện, thành tựu văn minh và các kỹ năng học tập khác tương ứng.
10	CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM	KHÔNG	Môn học <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam như một số thuật ngữ, khái niệm, phương pháp tiếp cận, và lý luận về văn hóa; phác thảo tiến trình, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam; đúc kết các hằng số cơ bản của văn hóa dân tộc; gợi mở và bàn luận về mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển trong thời kỳ hội nhập hiện nay.
11	LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ TRUNG ĐẠI	KHÔNG	<i>Lịch sử thế giới cổ trung đại</i> là học phần giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử nhân loại từ khi hình thành, trải qua thời cổ đại và đến thời trung đại. Thông qua việc tìm hiểu và nắm chắc được những kiến thức và kỹ năng liên quan đến học phần, sinh viên sẽ có cơ sở tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử thế giới nói chung và lịch sử các quốc gia, khu vực nói riêng trong các giai đoạn tiếp theo (cận đại, hiện đại). Hơn nữa, học phần này có tính chất đại cương sẽ cung cấp cho sinh viên nền tảng để nghiên cứu sâu hơn các học phần chuyên đề trong chương trình đào tạo.
12	LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI	LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ TRUNG ĐẠI	Lịch sử thế giới cận đại là học phần đại cương về lịch sử thế giới của chuyên ngành Sư phạm Lịch sử. Học phần này được thiết kế học trong học kỳ 2 hoặc 3. Nội dung của học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về tiến trình lịch sử thế giới thời cận đại. Từ học học phần này, sinh viên có thể hình thành các kỹ năng về đánh giá, phân tích, chứng minh, liên hệ các sự kiện, hiện tượng, quá trình và nhân vật lịch sử và các kỹ năng bổ trợ khác của môn học.
13	LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI	LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI	<i>Lịch sử thế giới hiện đại</i> là học phần tiếp nối các học phần lịch sử đại cương trong chương trình đào tạo (lịch sử thế giới cổ trung đại, lịch sử thế giới cận đại). Học phần này giúp người học nắm được những kiến

			thức cơ bản của lịch sử nhân loại thời hiện đại. Thông qua đó, học phần sẽ tạo cơ sở nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu, học tập các học phần chuyên đề liên quan đến lịch sử thế giới thời hiện đại.
14	LỊCH SỬ VIỆT NAM CỔ TRUNG ĐẠI	KHÔNG	Nội dung học phần bao gồm: tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam từ khởi thủy đến nửa đầu thế kỷ XIX, tập trung vào các vấn đề: thời nguyên thủy trên đất nước Việt Nam (dấu vết và các giai đoạn phát triển); thời kỳ Bắc thuộc và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam nhằm giành quyền độc lập tự chủ, bảo vệ, phát huy nền văn hoá dân tộc; Việt Nam từ thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII; Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XIX.
15	LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN ĐẠI	LỊCH SỬ VIỆT NAM CỔ TRUNG ĐẠI	Học phần trình bày quá trình thực dân Pháp đẩy mạnh xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược. Phong trào vũ trang chống Pháp cuối thế kỷ XIX . Sự chuyển biến của xã hội Việt Nam qua hai cuộc khai thác của thực dân Pháp. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Phong trào yêu nước cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào nước ta - Đảng của giai cấp công nhân ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ, làm nên Cách mạng Tháng tám vĩ đại; nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời.
16	LỊCH SỬ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI	LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN ĐẠI	Học phần trình bày kiến thức về lịch sử Việt Nam thời hiện đại (1945 đến nay), là sự kế tiếp kiến thức về lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại và cận đại, giúp cho người học có kiến thức lịch sử Việt Nam một cách hệ thống, liên tục. Bên cạnh đó, góp phần giúp người học hình thành và phát triển một số kĩ năng, thái độ, góp phần thực hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
17	NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG	KHÔNG	Môn học trình bày những vấn đề chung của ngành dân tộc học như vấn đề chủng tộc và mối quan hệ với dân tộc, văn hóa trên thế giới; vấn đề ngôn ngữ, ngữ



			hệ tộc người, các tiêu chí và các loại hình cộng đồng tộc người trên thế giới; một số vấn đề cơ bản của xã hội nguyên thủy; các hình thức tôn giáo sơ khai; những vấn đề cơ bản về các dân tộc Việt Nam và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam.
18	LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM	KHÔNG	Học phần cung cấp cho sinh viên những bài học của cha ông ta về chính sách bang giao với các nước láng giềng và phương thức tiến hành các mối bang giao đó, xuất phát từ các nhiệm vụ giành và giữ độc lập dân tộc, gây dựng hòa hiếu, chống xâm lược, mở mang và xây dựng đất nước cường thịnh; tổng kết những kinh nghiệm của cha ông trong việc kết hợp đấu tranh ngoại giao với các hình thức đấu tranh khác như: chính trị, quân sự và kinh tế để bảo vệ quyền lợi tối cao của dân tộc; truyền thống ngoại giao hòa hiếu của ông cha ta, tạo nên một trong những cơ sở của ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc của sinh viên sẽ được nâng cao, góp phần tự tin trong quan hệ xã hội của sinh viên, đặc biệt là hoạt động đối ngoại.
19	KINH TẾ VIỆT NAM THỜI CẬN ĐẠI	KHÔNG	-Học phần trình bày khái quát bối cảnh thế giới và chính sách khai thác thuộc địa Việt Nam của thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đến những thập niên đầu thế kỷ XX. -Trên cơ sở đó, học phần đi sâu vào những chuyển biến của kinh tế Việt Nam: bên cạnh những ngành truyền thống, những ngành kinh tế mới với quan hệ sản xuất mới tư bản chủ nghĩa xuất hiện và phát triển, làm chuyển biến sâu sắc đời sống chính trị - xã hội nước ta.
20	KHẢO CỔ HỌC ĐẠI CƯƠNG	KHÔNG	Nội dung môn học bao gồm: những tri thức cơ bản về Khảo cổ học gồm: khái niệm về Khảo cổ học, đối tượng nghiên cứu của Khảo cổ học; lịch sử Khảo cổ học; lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Khảo cổ học; lịch sử Khảo cổ học; các thời đại Khảo cổ học thế giới và Việt Nam.
21	ĐỊA PHƯƠNG HỌC	KHÔNG	Học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: - Khái niệm, đối tượng, nội dung, quan điểm và phương pháp nghiên cứu địa phương học.

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa lý vùng Nam Trung Bộ.</li> <li>- Văn hoá địa phương.</li> <li>- Đặc điểm kinh tế vùng Nam Trung Bộ.</li> </ul>
22	CHỦ NGHĨA TƯ BẢN CẬN - HIỆN ĐẠI	LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI	Nội dung chuyên đề này bao gồm những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa tư bản ngày nay: những lý luận về CNTB; cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và sự phát triển của lực lượng sản xuất TBCN; sự thay đổi cơ cấu kinh tế, sự điều chỉnh hệ thống chính trị, xã hội của CNTB ngày nay; đặc điểm, xu thế và triển vọng của CNTB hiện đại.
23	LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1918 ĐẾN NAY	LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI	Lịch sử quan hệ quốc tế từ năm 1919 đến nay là học phần chuyên đề tiếp nối các học phần lịch sử đại cương trong chương trình đào tạo. Học phần này giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản của lịch sử quan hệ quốc tế thời hiện đại. Thông qua đó, học phần sẽ tạo cơ sở nền tảng cho sinh viên tiếp tục nghiên cứu, học tập các học phần chuyên đề liên quan đến lịch sử thế giới thời hiện
24	NHẬP MÔN SỬ HỌC VÀ LỊCH SỬ SỬ HỌC	TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN (1), (2); CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.	Nội dung học phần bao gồm những hiểu biết cơ bản về khoa học lịch sử như: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học; tính đảng trong nghiên cứu lịch sử; vận dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic trong công tác sử học; khái lược lịch sử sử học thế giới và Việt Nam; những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử được vận dụng vào công tác sử học; đại cương về sử liệu học, niên đại học và lịch; phương pháp học tập và nghiên cứu lịch sử.
25	CÁC CUỘC CẢI CÁCH Ở CHÂU Á THỜI CẬN - HIỆN ĐẠI	LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ TRUNG ĐẠI; LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI; LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI	Các cuộc cải cách ở châu Á thời cận hiện đại là 1 trong số học phần thuộc khối kiến thức chuyên sâu về thời kỳ lịch sử thế giới cận hiện đại đối với chuyên ngành Sư phạm Lịch sử, Cử nhân Lịch sử. Học phần này được thiết kế để sinh viên học ở học kỳ 5 hoặc 6 của hai chương trình đào tạo nói trên. Nội dung của học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức chuyên sâu về một vấn đề của lịch sử thế giới cận hiện đại. Với học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp hệ thống kiến thức về các cuộc cải cách mà các

			nước châu Á tiến hành để duy tân, đổi mới đất nước trước sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân và phát triển đất nước. Cũng từ học phần này, sinh viên có thể hình thành các kỹ năng về đánh giá, phân tích, chứng minh, liên hệ đối sách các sự kiện, hiện tượng, quá trình lịch sử.
26	VIỆT NAM VÀ ASEAN	LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI	Học phần không trình bày các nước Đông Nam Á cụ thể mà đi vào phân tích một số vấn đề về các nước Đông Nam Á như kinh tế, chính trị, văn hóa... thông qua đó rút ra nhận xét và bài học
27	THỰC TẾ CHUYÊN MÔN	KHÔNG	Với phương châm giáo dục gắn lý thuyết với thực tiễn, thông qua hoạt động thực tế tại các Di tích lịch sử, văn hoá ở 2 miền Nam, Bắc giúp sinh viên trao đổi và khắc sâu các kiến thức thực tiễn, rèn luyện các kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc sau này.
28	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO	TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN (1), (2)	Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, công vụ, công chức; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; luật giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật khác về giáo dục và đào tạo; thực tiễn giáo dục Việt Nam.
29	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, BIÊN SOẠN VÀ GIẢNG DẠY LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG	KHÔNG	Nội dung học phần bao gồm: Đối tượng, vị trí, nội dung cơ bản của công tác nghiên cứu lịch sử địa phương và việc nghiên cứu lịch sử địa phương hiện nay; phương pháp nghiên cứu lịch sử địa phương; tổ chức nghiên cứu lịch sử địa phương; biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương ở trường phổ thông và biên soạn lịch sử nhà trường.
30	TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC	KHÔNG	Học phần gồm ba nội dung chính: <b>Phần 1:</b> Tâm lý học đại cương nghiên cứu những hiện tượng và các qui luật cơ bản nhất của tâm lý con người như: Bản chất hiện tượng tâm lý người; Hoạt động; Ý thức; Nhân cách; Các quá trình tâm lý; Các

			<p>trạng thái tâm lý; Các thuộc tính tâm lý.</p> <p><b>Phần 2:</b> Tâm lý học lứa tuổi nghiên cứu các hiện tượng và qui luật tâm lý theo lứa tuổi (THCS và THPT). Từ đó thấy được nguyên nhân cũng như động lực phát triển tâm lý qua các lứa tuổi.</p> <p><b>Phần 3:</b> Tâm lý học sư phạm nghiên cứu các hiện tượng và qui luật tâm lý dưới ảnh hưởng của tác động sư phạm (dạy học và giáo dục). Đồng thời hiểu được những đặc trưng trong lao động sư phạm của người giáo viên</p>
31	GIÁO DỤC HỌC	TÂM LÝ GIÁO DỤC	<p>Học phần này trình bày một cách hệ thống những tri thức cơ bản, hiện đại, sát với thực tiễn Việt Nam về giáo dục học, gồm:</p> <p>Hệ thống kiến thức cơ bản của lí luận chung về giáo dục học. Đó là, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, các phạm trù cơ bản của giáo dục học; mối quan hệ giữa giáo dục và sự phát triển cá nhân và xã hội; mục đích, nhiệm vụ giáo dục, cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân; người giáo viên trong nhà trường phổ thông.</p> <p>Hệ thống kiến thức cơ bản của lí luận dạy học và lý luận giáo dục. Đó là bản chất, động lực, lô gic của quá trình dạy học và quá trình giáo dục; hệ thống nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học và giáo dục; công tác chủ nhiệm lớp</p>
32	THỰC HÀNH TÂM LÝ – GIÁO DỤC	TÂM LÝ GIÁO DỤC, GIÁO DỤC HỌC	<p>Học phần này tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng kiến thức Tâm lý học, Giáo dục học để hình thành kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, kỹ năng quản lý học sinh, kỹ năng hỗ trợ tâm lý học sinh, kỹ năng tổ chức hoạt động kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường</p>
33	PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC	KHÔNG	<p>Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục: khái niệm, ý nghĩa và mục đích của nghiên cứu khoa học giáo dục; hệ thống các phương pháp nghiên cứu; cấu trúc và quy trình tiến hành một đề tài NCKHGD.</p>

34	GIAO TIẾP SƯ PHẠM	TÂM LÝ GIÁO DỤC, GIÁO DỤC HỌC	<p>Học phần Giao tiếp Sư phạm thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm. Nội dung của học phần được chia thành 2 phần:</p> <p><b>Phần 1: Lý thuyết về giao tiếp sư phạm</b> Phần này trình bày một cách khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về giao tiếp sư phạm như: khái niệm về giao tiếp, giao tiếp sư phạm; những phương diện của giao tiếp sư phạm; những yếu tố chi phối giao tiếp sư phạm.</p> <p><b>Phần 2: Phát triển năng lực giao tiếp sư phạm</b> Phần này trình bày một cách hệ thống lý thuyết và thực hành nhằm hình thành cho sinh viên những kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản như: Kỹ năng định hướng, kỹ năng mở đầu quá trình giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức trong giao tiếp sư phạm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phản hồi, kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm, kỹ năng kết thúc quá trình giao tiếp sư phạm.</p>
35	LÝ LUẬN DAY HỌC LỊCH SỬ	KHÔNG	<p>Học phần này gồm có 4 chương trang bị cho SV những vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp dạy học lịch sử là một khoa học.</li> <li>- Quá trình phát triển của phương pháp dạy học lịch sử.</li> <li>- Quá trình phát triển của bộ môn lịch sử ở trường PT.</li> <li>- Chức năng, nhiệm vụ của bộ môn lịch sử.</li> <li>- Chương trình môn lịch sử ở trường phổ thông: Nguyên tắc xây dựng chương trình và cấu tạo chương trình.</li> <li>- Sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông.</li> </ul>
36	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ	KHÔNG	<p>Học phần này trang bị cho SV những vấn đề lý luận về phương pháp dạy học lịch sử (khái niệm, phân loại); về hệ thống phương pháp dạy học lịch sử như: Trình bày miệng (tường thuật, thông báo, nêu đặc điểm, giải thích), sử dụng đồ dùng trực quan gồm: Đồ dùng trực quan hiện vật (di tích lịch sử - văn hóa, di vật khảo cổ, di tích cách mạng), đồ dùng trực quan tạo hình (tranh ảnh lịch sử, mô hình, sa bàn...), đồ dùng trực quan quy ước (niên biểu, sơ đồ, đồ thị, biểu đồ, bản đồ lịch sử...), sử dụng tài liệu (tài liệu lịch sử, tài liệu văn học, sách giáo khoa); về việc vận dụng các phương pháp dạy học ở trường phổ thông.</p>

37	PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CÁC MÔN XÃ HỘI	KHÔNG	Học phần cung cấp cho người học nội dung cơ bản của chương trình, cấu trúc sách giáo khoa, những vấn đề lý luận cơ bản các môn khoa học xã hội; từ đó rèn luyện, thực hành các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đặc trưng của bộ môn theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh. Đây là cơ sở để sinh viên xác định và vận dụng tốt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các chủ đề; vận dụng được các nguyên tắc, kỹ năng cơ bản để sử dụng, tự làm, sưu tầm đồ dùng dạy học; xác định được các nội dung, hình thức, công cụ kiểm tra, đánh giá của bộ môn.
38	KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC	KHÔNG	Học phần có 4 chương đề cập đến các nội dung: mục đích, yêu cầu việc kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử; các hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.
39	THỰC HÀNH DẠY HỌC (TẬP GIẢNG TẠI TRƯỜNG SƯ PHẠM)	KHÔNG	Học phần này hình thành cho sinh viên năng lực giảng dạy của người giáo viên; tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng kiến thức Tâm lý học, Giáo dục học để xây dựng môi trường giáo dục tích cực cho học sinh như: Hình thành kỹ năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp; kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh trong nhà trường; kỹ năng quản lý hành vi học sinh; kỹ năng hỗ trợ, tư vấn tâm lý học sinh; kỹ năng tổ chức hoạt động kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong giáo dục học sinh.
40	THỰC TẬP SƯ PHẠM 1	KHÔNG	Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường đại học vào công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm ở trường THPT; Rèn luyện các kỹ năng cơ bản của người giáo viên phổ thông trung học. Thực hành công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm lớp, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của một người giáo viên ở trường THPT. Nâng cao ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề cho sinh viên.

41	THỰC TẬP SƯ PHẠM 2	THỰC TẬP SƯ PHẠM 1	<p>Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường đại học vào công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm ở trường THPT; Rèn luyện các kỹ năng cơ bản của người giáo viên phổ thông trung học. Thực hành công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm lớp, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của một người giáo viên ở trường THPT. Nâng cao ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề cho sinh viên.</p>
42	GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ PHƯƠNG PHÁP DỤC GIỚI TÍNH	KHÔNG	<p>Học phần Giáo dục giới tính gồm 10 bài học được thiết kế trên đĩa CDrom, lần lượt chuyển tải các nội dung giảng dạy về quyền và sức khỏe tình dục bao gồm các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, tình dục, sự mang thai, các nguy cơ lây nhiễm qua đường tình dục, biết bảo vệ bản thân tránh được sự xâm hại, quấy rối tình dục, hiểu rõ về giới và các quyền có liên quan đến giới, đặc biệt thể hiện qua các hành vi tình dục và cuối cùng nhằm hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết định của bản thân khi đối diện trước những tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên.</p> <p>Mỗi bài học được bắt đầu bằng một trò chơi khởi động, các bài trình bày dưới dạng các slide cung cấp các kiến thức có liên quan đến bài học từ hai giáo dục viên đồng đẳng. Bước tiếp theo là phần chính của bài học là phần bài tập dưới dạng hoạt động sáng tạo, huy động tính tích cực của sinh viên qua việc thảo luận, trình bày theo nhóm, thiết kế xây dựng một câu chuyện, một thông điệp, đóng vai để giải quyết tình huống... Xen kẽ là một số trò chơi, hoặc một bài trắc nghiệm kiểm tra kiến thức và thái độ. Tất cả các hoạt động đều nhằm giúp sinh viên tiếp nhận thông tin và lắng nghe suy nghĩ của những người khác, kết hợp với suy nghĩ của chính bản thân mình một cách sinh động.</p> <p>Phần Phương pháp giáo dục giới tính được hệ thống lại từ phần phương pháp đã được thể hiện qua các bài</p>

			học. Sinh viên nắm được phương pháp trải nghiệm và một số phương pháp, kỹ năng dạy học tích cực, trình bày các nội dung phù hợp với từng chủ đề, huy động, khơi dậy được sự hứng thú, chủ động của người học, kỹ năng phản hồi, kỹ năng đưa ra quyết định.
43	MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRIỀU NGUYỄN	LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN ĐẠI	Học phần tập trung làm rõ bối cảnh lịch sử quốc tế và trong nước khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trước việc để mất nước, triều Nguyễn với trào lưu canh tân đất nước, đánh giá các vị vua triều Nguyễn từ Tự Đức đến Thành Thái.
44	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	KHÔNG	Khóa luận tốt nghiệp là học phần giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp.
45	THAM VẤN TÂM LÝ	TÂM LÝ GIÁO DỤC	Tham vấn học đường là học phần nằm trong hệ thống kiến thức lựa chọn dành cho sinh viên khối ngành sư phạm bao gồm 4 chương bàn về các vấn đề: Bản chất của tham vấn học đường là gì? Cơ sở khoa học và thực tiễn của tham vấn học đường; Người làm công tác tham vấn học đường cần có kiến thức, phẩm chất, kỹ năng và thực hiện theo các nguyên tắc đạo đức; Học sinh, các nan đề của học sinh và nhà trường cần được tham vấn; các loại hình và quy trình tham vấn học đường; một số vấn đề ứng dụng trong tham vấn học đường.
46	TIN HỌC CHUYÊN NGÀNH (2)	KHÔNG	Học phần không đi sâu vào kỹ thuật vi tính mà chỉ đi sâu tìm hiểu nhận thức chung, vai trò, tiện ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế các loại đồ dùng trực quan quy ước và soạn giáo án điện tử; sử dụng Internet trong dạy



			học lịch sử...; trình bày các biện pháp sử dụng các loại đồ dùng trực quan quy ước và soạn giáo án điện tử trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.
47	MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM	KHÔNG	Học phần cung cấp những nội dung quan trọng giúp sinh viên hiểu rõ về các vấn đề biển đảo Việt Nam. Môn học gồm 3 chương: Khái quát về Biển Đông và biển đảo nước ta; Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này và công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.
48	TÍN NGƯỠNG VÀ CÁC TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM	CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM	Học phần này bao gồm những nội dung chính sau đây: Trình bày khái niệm về tôn giáo, tín ngưỡng. Đi sâu vào một số tín ngưỡng phổ biến ở Việt Nam: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Thành hoàng và tín ngưỡng thờ Mẫu. Trình bày các tôn giáo chính ở Việt Nam hiện nay, gồm một số tôn giáo ngoại nhập (Phật giáo, Đạo giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo) và một số tôn giáo bản địa (đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và một số đạo khác). Trong phần các tôn giáo ngoại nhập, học phần sẽ sơ lược qua về lịch sử hình thành và phát triển, giáo lý, giáo luật, lễ nghi, tổ chức của các tôn giáo nói chung; sau đó đi sâu vào tìm hiểu về lịch sử du nhập và phát triển, những đặc điểm của các tôn giáo ngoại nhập này sau khi truyền bá vào Việt Nam. Trong phần các tôn giáo bản địa, học phần sẽ trình bày về lịch sử hình thành và phát triển, những nội dung chủ yếu về giáo lý, luật lệ, lễ nghi và tổ chức của hai tôn giáo: Cao Đài và Hòa Hảo, giới thiệu thêm về một số đạo bản địa khác ở Việt Nam. Cuối cùng học phần sẽ trình bày một số đặc điểm chính trong tình hình đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, đề cập đến quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo (cụ thể là chính sách đối với tín đồ; đối với chức sắc, nhà tu hành tôn giáo; đối với tổ chức tôn giáo; đối với các hoạt động tôn giáo; đối với

			<p>noi thờ tự và tài sản của tổ chức tôn giáo; đối với hoạt động đối ngoại của các tổ chức tôn giáo).</p>
49	HỒ CHÍ MINH VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM	LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN ĐẠI	<p>- Học phần trình bày việc thực dân Pháp thực hiện chính sách khai thác bóc lột thuộc địa Đông Dương đầu thế kỷ XX, làm mâu thuẫn gay gắt và dẫn đến bùng nổ phong trào đấu tranh chống Pháp của dân tộc ta. Các phong trào đấu tranh đó tuy diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ, nhưng tất cả đều rơi vào bế tắc, thất bại. Nguyên nhân cơ bản làm các phong trào thất bại là do thiếu một đường lối cách mạng, thiếu phương pháp tổ chức và lãnh đạo đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của lịch sử dân tộc.</p> <p>- Học phần cũng làm rõ vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với việc tìm ra con đường cứu nước mới phù hợp với cách mạng nước ta; trang bị về tư tưởng chính trị; xây dựng tổ chức Đảng Cộng sản; chuẩn bị lực lượng và trực tiếp lãnh đạo cách mạng nước ta thực hiện thành công cách mạng tháng Tám năm 1945</p>
50	BIẾN ĐỔI KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI	LỊCH SỬ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI	<p>Thành tựu và hạn chế trong công cuộc đổi mới sự nghiệp xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.</p> <p>Đặc điểm và điểm xuất phát của nước ta khi bước vào thời kỳ đổi mới xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.</p> <p>Chủ trương, quan điểm đổi mới sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thành tựu và những khó khăn thách thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>Những biến đổi về kinh tế - xã hội ở nước ta trong thời kỳ đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.</p>
51	SỬ LIỆU HỌC	KHÔNG	<p>Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về sử liệu học. Trên cơ sở những tri thức mà người học đã được tiếp nhận trong phần thông sử cũng như các chuyên đề về lịch sử thuộc chương trình cử nhân, học phần tập trung vào một số nội dung cụ thể liên quan đến các nguồn sử liệu được khai thác, vận dụng trong nghiên cứu khoa học lịch sử.</p>
52	VĂN HÓA CHĂMPA	LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ	<p>Môn học <i>Văn hóa Chăm</i> trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa vương quốc cổ</p>

		TRUNG ĐẠI; LỊCH SỬ VIỆT NAM CỔ, TRUNG ĐẠI	Champa, và không gian cư trú, đặc trưng văn hóa của cộng đồng dân tộc Chăm ở Việt Nam hiện nay.
53	LỊCH PHÁP HỌC	LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ TRUNG ĐẠI	Ngoài phần mở đầu, kết luận học phần bao gồm các nội dung về khái niệm thời gian, lịch pháp; cơ sở hình thành, quá trình phát triển của các loại lịch. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những công cụ, qui tắc đối chiếu, chuyển đổi âm lịch, lịch can chi sang dương lịch và ngược lại.
54	TOÀN CẦU HÓA VÀ CÁC VẤN ĐỀ TOÀN CẦU	KHÔNG	Nội dung học phần gồm có 4 chương: Thông qua việc phân tích khái niệm, nguồn gốc, điều kiện xuất hiện toàn cầu hóa, chuyên đề nhấn mạnh quá trình phát triển của toàn cầu hóa trong lịch sử với sự hình thành tiền đề toàn cầu hóa từ khoảng thế kỷ XIV, XV cho đến nay. Chuyên đề cũng trình bày quá trình toàn cầu hóa, nhất là toàn cầu hóa về kinh tế từ những năm 80 của thế kỷ XX cho đến đầu thế kỷ XXI. Lý giải bối cảnh lịch sử những đặc điểm, nguồn gốc toàn cầu hóa những năm 80 của thế kỷ XX và toàn cầu hóa đầu thế kỷ XXI. Qua đó phân tích tác động của nó về mặt tích cực cũng như những hạn chế nhất là đối với từng nhóm nước khác nhau ( các nước TB phát triển, các nước đang và chậm phát triển) cũng như đối với từng lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và đời sống xã hội của nhân loại. Chuyên đề cũng giành một chương để phân tích những nhận thức có nét khác biệt của các học giả và các nhà kinh tế học Việt Nam về toàn cầu hóa và khẳng định toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu và khách quan. Từ đó trình bày một số quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước về chiến lược hội nhập kinh tế cũng như một số giải pháp về tiến trình hội nhập của nước ta vào nền kinh tế quốc tế. Từ sự phân tích những tác động do toàn cầu hóa mang lại đối với các nước đi trước chuyên đề rút ra một số bài học kinh nghiệm quý giá cho Việt Nam.

			Đồng thời nhấn mạnh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngoài việc kế thừa những mặt tích cực, cần thấy rõ những mặt hạn chế của quá trình này đặc biệt đối với những nước đang phát triển như Việt Nam để tránh bớt những hệ quả tiêu cực trong chiến lược hội nhập và phát triển.
55	MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG	LÝ LUẬN DẠY HỌC LỊCH SỬ	Nội dung học phần bao gồm 3 chương đề cập đến các nội dung: cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới trong dạy học nói chung và dạy học lịch sử nói riêng; nội dung và biện pháp tiến hành đổi mới trong dạy và học lịch sử.

**TRƯỞNG KHOA**

*Đà Nẵng, ngày tháng năm 2017*

**HIỆU TRƯỞNG**

